

BÁO CÁO

Sơ kết thực hiện Nghị quyết số 51-NQ/ĐU ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Đảng ủy về “Đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Trường Đại học Cần Thơ theo hướng đại học thông minh” giai đoạn 2021-2023

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025 và Chương trình hành động số 01-CTr/ĐU ngày 19 tháng 7 năm 2020 thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường ĐHCT lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025. Ngày 29/04/2021, Đảng ủy Trường ĐHCT ban hành Nghị quyết số 51-NQ/ĐU “Về đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Trường ĐHCT theo hướng đại học thông minh” (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 51).

Sau khi ban hành Nghị quyết 51, Nhà trường đã xây dựng chương trình hành động cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện mục tiêu và chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025 mà Nghị quyết 51 đã đề ra. Với nhiệm vụ đầu mối tham mưu cho lãnh đạo Trường trong xây dựng kế hoạch và cơ chế phối hợp để thực hiện Nghị quyết 51, Chi bộ Trung tâm Thông tin – Quản trị mạng phối hợp với các đơn vị tổng hợp, báo cáo sơ kết các kết quả triển khai Nghị quyết 51 giai đoạn 2021-2023, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT GIAI ĐOẠN 2021-2023

1. Công tác phổ biến và quán triệt:

Nghị quyết 51 đã được các Đảng bộ, Chi bộ và các đơn vị trong Trường phổ biến và quán triệt đến đảng viên, viên chức và người học. Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 51 giai đoạn 2021-2025 đã được công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường.

2. Công tác xây dựng kế hoạch, chương trình hành động và các văn bản có liên quan:

Để triển khai Nghị quyết 51, Hiệu trưởng đã ban hành Quyết định số 1252/QĐ-ĐHCT ngày 13 tháng 5 năm 2021 thành lập Ban chỉ đạo và các Tổ công tác để thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số (CDS) trong Trường; Quyết định số 2077/QĐ-ĐHCT ngày 1 tháng 7 năm 2021 về Chương trình hành động giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Nghị quyết 51; Đảng ủy Trường ĐHCT ban hành Chỉ thị số 03-CT/ĐU ngày 7 tháng 7 năm 2021 về cải cách hành chính gắn với thực hiện Nghị quyết 51.

Các quyết định quan trọng khác cũng đã được xây dựng, ban hành và triển khai bao gồm: Quyết định số 3360/QĐ-ĐHCT ngày 10 tháng 1 năm 2022 về Quy định

đào tạo trực tuyến của Trường ĐHCT; Quyết định số 3512/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 7 năm 2022 về quy định về quản lý, khai thác Mạng thông tin Trường Đại học Cần Thơ (thay thế cho Quyết định số 3360/QĐ-ĐHCT ngày 31/12/2015).

3. Công tác nâng cao năng lực số cho đội ngũ viên chức và người học

Việc ứng dụng Công nghệ Thông tin – Truyền thông (CNTT-TT) trong các hoạt động đã được Nhà trường triển khai từ những năm 2000. Hiện viên chức Trường có năng lực tốt về ứng dụng CNTT-TT và CDS trong các hoạt động, do đó việc triển khai CDS trong Trường thời gian qua có nhiều thuận lợi. Mặc dù vậy để không ngừng nâng cao năng lực ứng dụng CNTT-TT và CDS cho viên chức, khi triển khai các ứng dụng, phần mềm CDS mới như văn phòng điện tử, xây dựng báo cáo tự đánh giá, quản lý hợp tác quốc tế, giảng dạy trực tuyến... Nhà trường đều triển khai các hoạt động hướng dẫn, tập huấn thông qua nhiều hình thức như tài liệu, video hướng dẫn, tập huấn trực tiếp và trực tuyến (bảng 1).

Đối với người học, tất cả sinh viên khi mới nhập học đều được hướng dẫn sử dụng các ứng dụng và dịch vụ mạng của Trường. Ngoài ra để sinh viên trường thích ứng nhanh với việc ứng dụng CNTT-TT và CDS trong các hoạt động của Trường, học phần Tin học cơ bản được lồng ghép các nội dung về CDS được Trường ưu tiên vào giảng dạy cho sinh viên khóa mới trong học kỳ đầu tiên.

4. Hoạt động hoàn thiện hạ tầng cơ sở theo hướng hạ tầng số.

Để hoàn thiện hạ tầng mạng máy tính phục vụ việc sử dụng các dịch vụ số từ hơn 3.300 máy tính cá nhân trong Trường và hơn 35.000 thiết bị di động của viên chức và người học, giai đoạn 2021-2023 Trường đã (1) nâng cấp mạng trục từ 1 Gbps lên 10Gbps; (2) cải tạo, nâng cấp và mở rộng mạng LAN một số khu vực có băng thông năng và lực xử lý thấp thuộc các đơn vị Trường Công nghệ thông tin và truyền thông, Trường Nông nghiệp, Trường Bách khoa, Trường Thủy sản, Khoa Khoa học tự nhiên, Khoa Luật, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Phát triển nông thôn, Khoa Khoa học xã hội và nhân văn...; (3) tăng băng thông truy cập Internet từ trên 400Mbps quốc tế/2000Mbps trong nước lên 650Mbps quốc tế/4000Mbps trong nước (bảng 2) (4) Bổ sung 579 điểm truy cập wifi mới (trong đó có 249 điểm tại 02 tòa nhà trong dự án ODA), nâng tổng số điểm truy cập wifi trong Trường lên 818 điểm (bảng 3). Trường tiếp tục phối hợp với VNPT triển khai phủ sóng WiFi có thu phí tại tất cả các phòng trong ký túc xá để ở phục vụ khoảng 7000 sinh viên nội trú, hiện hệ thống mạng máy tính Trường đáp ứng tốt cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và quản lý của Trường.

Từ năm 2017 với kinh phí từ dự án ODA Trường đã nâng cấp phòng máy chủ của Trường thành Trung tâm Dữ liệu (TTDL) đạt một số chuẩn quốc tế đảm bảo hoạt động an toàn, liên tục 24/7. Hiện TTDL có 30 máy chủ chuyên dụng với năng lực tính toán hơn 1.4 THz, 1.82TB RAM, hơn 200TB dung lượng lưu trữ và hơn 400TB dung lượng dự phòng. Cùng với hệ thống phần mềm quản lý tích hợp, đây là

nền tảng giúp Trường CDS hoạt động quản lý - điều hành, đào tạo và hỗ trợ cho các hoạt động nghiên cứu có ứng dụng CNTT-TT. Hiện TTDL đã cấp phát 176 máy chủ ảo trong đó 29 phục vụ quản lý hệ thống, 91 phục vụ vận hành hệ thống tích hợp, website và các ứng dụng, 17 phục vụ đào tạo trực tuyến và 39 phục vụ NCKH.

5. Chuyển đổi số các hoạt động quản trị và điều hành.

Trong giai đoạn 2021-2023 Nhà trường đã dành trên 5,7 tỷ VNĐ (2021: 1,1; 2022: 2,046; 2023: 2,76) để bổ sung các phần hệ mới cho hệ thống tích hợp (HTTH) và nâng cấp các phần hệ hiện có (bảng 4). Hiện HTTH của Trường với 29 phân hệ, cùng với ứng dụng di động MyCTU đã giúp Trường tin học hóa phần lớn các hoạt động quản lý, điều hành. Trong số 99 quy trình cấp Trường hiện có 24% đạt mức độ dịch vụ công trực tuyến 4 và 29% đạt mức độ dịch vụ công trực tuyến 3 (bảng 5), hầu hết các hoạt động trong Trường liên quan đến giảng viên và người học đều được thực hiện trực tuyến trên môi trường mạng qua web hoặc ứng dụng MyCTU. Lãnh đạo Trường có thể xem được số liệu thống kê, báo cáo về Trường theo thời gian thực qua ứng dụng MyCTU.

Văn bản thuộc các lĩnh vực công tác Đảng, Chính quyền và các đoàn thể của Trường hiện được số hoá, đưa vào hệ thống eOffice (*văn phòng điện tử*) để xử lý và phổ biến đến từng đối tượng người dùng cụ thể trong Trường, kể từ khi triển khai năm 2021 đến nay hệ thống đã luân chuyển 88.844 lượt văn bản, trong đó năm 2021 là 8.377, năm 2022 là 35.818 và năm 2023 là 44.649.

6. Chuyển đổi số các hoạt động đào tạo

Trong thời gian dịch bệnh Covid-19, Nhà trường đã triển khai giảng dạy trực tuyến cho 81.7% học phần lý thuyết với 830 giảng viên tham gia giảng dạy.

Từ 01/2022, mỗi năm Trường lựa chọn và triển khai giảng dạy theo hình thức trực tuyến trực tiếp ít nhất 6% số lượng học phần, tính đến thời điểm hiện tại tổng số học phần được lựa chọn để chuyển sang giảng dạy trực tuyến là 620 học phần (*học phần có chữ “E” trong mã học phần*) tương đương với các ngành học có trung bình 14,7% số học phần học trực tuyến, trong các học kỳ qua Trường đã triển khai giảng dạy được 410 lớp học phần (HK1 22-23: 76; HK2 22-23: 106; HK3 22-23: 47; HK1 23-24: 181)

Trường ĐHCT cũng đã triển khai phần mềm quản lý dạy và học trực tuyến (Learning Management System - LMS) trên nền phần mềm nguồn mở Moodle, đầu tư 01 Studio, 09 cabin dạy trực tuyến thời gian thực và 03 phòng/hội trường phục vụ dạy và học trực tuyến nhằm hỗ trợ hoạt động dạy và học chính quy trong Trường, đồng thời triển khai hình thức đào tạo từ xa qua mạng cho khoảng 5000 sinh viên. Trong 03 học kỳ gần đây trung bình mỗi học kỳ có 246 học phần sử dụng Elearning để hỗ trợ dạy và học 142 học phần tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính (bảng 6).

Ngoài ra bình quân mỗi học kỳ có gần 300 học phần sử dụng hệ thống quản lý dạy và học trực tuyến của Google là Classroom (*Biểu đồ 1*).

7. Chuyển đổi số trong nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, phát triển và chuyển giao công nghệ, dịch vụ.

Trong giai đoạn 2021-2023, Nhà trường đã đẩy mạnh việc hoàn thiện các phân hệ trong hệ thống tích hợp phục vụ việc quản lý - điều hành các hoạt động khoa học, công nghệ và hợp tác của Trường như: quản lý đối tác; quản lý lịch khoa học; quản lý báo cáo chuyên đề/seminar; quản lý đề tài, dự án; quản lý đề tài hợp tác với địa phương, doanh nghiệp; quản lý các hoạt động hợp tác: đoàn vào, cấp và gia hạn visa, xin phép cho khách quốc tế đi địa phương.

Nhà trường đã triển khai (1) xây dựng được hệ thống quản lý Tạp chí khoa học Trường ĐHCT hoàn chỉnh, hiện tất cả các khâu gửi bài, duyệt bài, phản biện và công bố đều được thực hiện trên môi trường mạng; (2) xây dựng và đưa vào sử dụng phần mềm quản lý đạo đức trong thí nghiệm động vật; (3) xây dựng website phục vụ kết nối cung cầu công nghệ trên nền tảng số để thương mại hóa kết quả nghiên cứu của Trường (<https://marketplace.ctu.edu.vn/>)

Ứng dụng CNTT-TT trong hoạt động NCKH cũng được Nhà trường thúc đẩy, giai đoạn 2021-2023 Nhà trường đã cung cấp khoảng 100 máy chủ ảo phục vụ các hoạt động NCKH; đưa vào sử dụng hệ thống tính toán hiệu năng cao (High Performance Computing – HPC) với 03 node để phục vụ NCKH của các ngành thuộc khối khoa học tự nhiên; triển khai NCKH về ứng dụng CDS trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, môi trường và khoa học sức khỏe.

8. Nâng cao thương hiệu, vai trò và vị thế của Trường đối với cộng đồng và xã hội thông qua chuyển đổi số

Thời gian qua website Trường và một số đơn vị đã được thiết kế, tổ chức lại theo hướng tiếp cận đối tượng người dùng và sử dụng thuận tiện hơn trên thiết bị di động. Trường cũng đã bổ sung điều khoản về chuẩn tối thiểu đối với website các đơn vị đào tạo và các đơn vị chức năng trong Quy định về Quản lý mạng thông tin Trường ĐHCT. Đợt rà soát vào quý 3/2023, có 16/19 đơn vị đào tạo và 10/12 đơn vị chức năng đạt chuẩn tối thiểu này (84% đạt chuẩn tối thiểu).

Nhà trường đã thành lập Bộ phận Thông tin – Truyền thông thuộc Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng nhằm thúc đẩy hoạt động truyền thông và quảng bá thương hiệu Trường, đặc biệt là truyền thông qua môi trường mạng. Giai đoạn 2021-2023 Trường đã đăng được 1.924 bài lên các website và mạng xã hội cấp Trường; đã trực quan hóa các sự kiện, tin tức thông qua xây dựng: 30 bản tin video; 06 infographic, 41 video ngắn. Ngoài ra, Trường đã tổ chức được 175 buổi trực tuyến và 63 buổi livestream (*Bảng 7*). Hàng năm các website Trường có trên 6 triệu lượt

truy cập. Các kênh mạng xã hội của Trường có số lượng người xem khá lớn và tăng nhanh trong các năm qua (Bảng 8)

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Với nỗ lực của cả hệ thống chính trị, Nhà trường đã và đang trong quá trình đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025 về CDS hướng tới Đại học thông minh mà Nghị quyết 51 đã đề ra. Thêm vào đó, tự đánh giá (1) theo Bộ chỉ số về tiêu chí đánh giá CDS cơ sở giáo dục đại học trong Quyết định 4740/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà Trường tự đánh giá và nhận thấy về chuyển đổi số trong hoạt động quản lý và đào tạo Trường đạt đều đạt mức tốt; (2) theo chuẩn cơ sở giáo dục đại học trong thông tư 01/2024/TT-BGDĐT các tiêu chí liên quan đến CNTT-TT, CDS Trường đều đạt ở mức cao.

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ	Ghi chú
1	Đến năm 2022 mạng trục đạt tốc độ tối thiểu 10Gbps.	Đạt	
2	Đến năm 2022 100% phòng học và phòng thí nghiệm có kết nối mạng.	Đạt	Một số phòng học, phòng thí nghiệm chỉ có kết nối LAN, cần được bổ sung thêm kết nối Wifi. Một số phòng học tại Khu Hòa An có phủ sóng wifi như cường độ sóng còn thấp.
3	Đến năm 2022, 100% hoạt động tiếp nhận, xử lý, lưu trữ và khai thác công văn, văn bản trong Trường được thực hiện trên môi trường mạng.	Chưa đạt	Toàn bộ văn bản đến và đi trong nội bộ Trường, đã được thực hiện trên Eoffice, tuy nhiên eOffice chưa kết nối với hệ thống Văn bản Quốc Gia và Trường chưa triển khai ký số nên việc tiếp nhận văn bản đến ngoài Trường còn có thực hiện thủ công và việc chuyển văn bản đi ngoài Trường qua mạng còn ít.
4	Đến năm 2025, 90% quy trình & hồ sơ công việc của Trường được xử lý trên môi trường mạng (trừ các hồ	Đang thực hiện	Trong số 99 quy trình hiện hành, có 41 quy trình đã đưa tất cả hoặc 01 phần hồ sơ lên HTTH và eOffice.

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ	Ghi chú
	<i>sơ, văn bản thuộc phạm vi bí mật nhà nước).</i>		
5	Đến năm 2025, 80% dịch vụ cung cấp cho viên chức và người học đạt mức độ trực tuyến 4.	Đang thực hiện	Trong số 99 quy trình hiện hành, có 24 quy trình đã đạt mức độ 4
6	Đến năm 2025, ít nhất 20% số học phần áp dụng hình thức giảng dạy trực tuyến, đánh giá trắc nghiệm khách quan trên máy tính.	Đang thực hiện	Đã chuyển 14,7% số học phần trong chương trình đào tạo trình độ đại học sang giảng dạy theo hình thức trực tuyến. Tuy nhiên số lượng học phần đã áp dụng giảng dạy trực tuyến còn thấp do đang được lần lượt triển khai cho chương trình đào tạo Khóa 48 và Khóa 49. Mỗi học kỳ có khoảng 142 học phần tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính
7	Đến năm 2023, đảm bảo 100% các trang thông tin điện tử trong Trường đạt chuẩn tối thiểu do Trường và Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định.	Đang thực hiện	Dựa trên các văn bản của Bộ, Trường đã xây dựng chuẩn tối thiểu đối với website các đơn vị đào tạo và chức năng và phần lớn các đơn vị đều đạt chuẩn, tuy nhiên theo góp ý của người học và hoạt động kiểm định website các đơn vị cần được cập nhật thông tin thường xuyên và đầy đủ hơn, đặc biệt là website tiếng Anh.

2. Điểm mạnh

CĐS là xu thế hiện nay, do đó hoạt động này được các cấp từ Trung ương đến địa phương quan tâm đầu tư và thúc đẩy. Hoạt động CĐS trong Trường luôn được

sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban giám hiệu, cùng sự phối hợp đồng bộ và tích cực của các đơn vị.

Năng lực ứng dụng CNTT-TT, CDS của hầu hết viên chức và người học của Trường ở mức cao, do đó việc triển khai các hoạt động CDS trong Trường ít gặp khó khăn, trở ngại về phía người sử dụng.

Hạ tầng công nghệ thông tin của Trường được đầu tư mạnh và hoạt động ổn định làm nền tảng tốt cho các hoạt động CDS.

Phần mềm quản lý tích hợp của Trường do Trung tâm Công nghệ Phần mềm (TT.CNPM) của Trường phát triển và nâng cấp qua nhiều năm nên hoạt động ổn định và Trường luôn chủ động trong quá trình nâng cấp, cải tiến phần mềm này. Trường đã triển khai ứng dụng di động cho phần mềm quản lý tích hợp (MyCTU), điều này đã giúp viên chức và người học sử dụng các ứng dụng và dịch vụ trên mạng của Trường thuận lợi hơn.

Trong giai đoạn 2021-2023, khi Nghị quyết 51 ra đời, Trường đã ưu tiên và tăng kinh phí từ nhiều nguồn khác nhau cho hoạt động CDS.

3. Những hạn chế

Để thực hiện Nghị quyết 51 Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo, các Tổ công tác và xây dựng Chương trình hành động, tuy nhiên Trung tâm Thông tin – Quản trị mạng, với vai trò là vụ đầu mối tham mưu cho lãnh đạo Trường và là thư ký của Ban chỉ đạo và các Tổ công tác, chưa chủ động, còn hạn chế trong việc tổ chức để Ban chỉ đạo và các Tổ công tác thúc đẩy, kiểm tra và đánh giá tiến độ thực hiện chương trình hành động hàng năm.

Việc CDS các quy trình công tác của Trường còn chậm do (1) việc triển khai điều chỉnh các quy trình quản lý của Trường theo Chỉ thị số 03-CT/ĐU của Đảng ủy về cải cách hành chính để thực hiện nghị quyết 51 còn chậm; (2) một số đơn vị chưa thật sự chủ động trong việc chuyển đổi *(phần lớn các quy trình công tác của trường đạt mức độ trực tuyến 3 và 4 được đưa lên hệ thống tích hợp trong giai đoạn trước năm 2021)*.

Hiện các đơn vị triển khai chỉ tiêu “20% số học phần áp dụng hình thức giảng dạy trực tuyến” theo hình thức “trực tuyến trực tiếp” qua Google Meet và Zoom, việc thực hiện này chưa đáp ứng đầy đủ Quy định số 3360/QĐ-ĐHCT về đào tạo trực tuyến của Trường và chưa được đánh giá cao theo các quy định về đào tạo trực tuyến của Bộ GD&ĐT cũng như của hoạt động kiểm định.

Hiện nay mỗi học kỳ có khoảng 145 học phần tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính, tuy nhiên hiện Trường chưa xây dựng các quy định, chính sách liên quan để thúc đẩy hoạt động này và triển khai chỉ tiêu “ít nhất 20% số học phần áp dụng hình thức đánh giá trắc nghiệm khách quan trên máy tính”. Ngoài ra các phòng máy

tính phục vụ cho hoạt động thi trắc nghiệm trên máy tính còn hạn chế và cần được nghiên cứu sắp xếp phù hợp hơn.

Trường chưa xây dựng các quy định, chính sách khuyến khích việc ứng dụng Elearning hỗ trợ hoạt động giảng dạy, việc ứng dụng elearning trong giảng dạy của giảng viên hiện nay mang tính tự nguyện.

Lực lượng phát triển phần mềm tích hợp cho Trường thuộc TT.CNMP còn mỏng và thường xuyên thay đổi, do đó việc nâng cấp, phát triển phần mềm tích hợp của Trường diễn chậm, chất lượng một số phân hệ chưa cao.

Trường đã xây dựng quy định về chuẩn tối thiểu của website các đơn vị đào tạo và phòng ban chức năng, tuy nhiên quy định này chưa thật sự chi tiết nên chưa đáp ứng yêu cầu của người học và kiểm định.

Việc tổ chức các hội nghị, hội thảo và các tập huấn về CDS, xây dựng văn hóa CDS, đặc biệt là trong đào tạo còn hạn chế.

III. PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ CỦA NGHỊ QUYẾT 51 TRONG GIAI ĐOẠN 2024-2025

1. Về công tác tổ chức, thực hiện Nghị quyết 51:

Đảng bộ, Chi bộ và các đơn vị trong Trường tiếp tục đẩy mạnh quán triệt sâu rộng tới tất cả đảng viên, viên chức và người học về nội dung và chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 51.

Kiện toàn lại Ban chỉ đạo và các Tổ công tác thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số trong Trường phù hợp với thay đổi nhân sự cấp Trường và các đơn vị hiện nay. Điều chỉnh chương trình hành động giai đoạn 2021-2025 thực hiện Nghị quyết số 51 cho phù hợp với tính hình thực tế. Định kỳ họp Ban chỉ đạo, các Tổ công tác và thực hiện sơ kết thực hiện chương trình hành động.

Xem xét việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị đào tạo và phòng ban chức năng, tương tự như hình thức đánh giá của các Bộ, ngành.

Tăng cường hoạt động tập huấn về CDS và xây dựng văn hóa CDS trong VC và người học trong Trường.

2. Hoạt động hoàn thiện hạ tầng cơ sở theo hướng hạ tầng số

Tiếp tục nâng cấp, cải tạo hệ thống mạng LAN các đơn vị để đảm bảo tốc độ kết nối từ máy tính trong mạng LAN toàn Trường đạt tối thiểu 1Gbps.

Tiếp tục phủ sóng Wifi mạnh, tốc độ cao tới tất cả các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, thí nghiệm và phòng làm việc của giảng viên trong Trường.

Phối hợp với VNPT Cần Thơ và Hậu Giang nâng cấp, nâng cao chất lượng hệ thống mạng Wifi trong các ký túc xá của Trường.

Tăng cường an toàn an ninh mạng và dữ liệu; Xây dựng cơ chế sao lưu dữ liệu dữ phòng của Trường đạt các tiêu chuẩn quốc tế.

3. Chuyển đổi số các hoạt động quản trị và điều hành

Sơ kết Chỉ thị số 03-CT/ĐU ngày 07//7/2021 về cải cách hành chính gắn với thực hiện Nghị quyết 51; hoàn chỉnh và ban hành các quy trình công tác cấp Trường và cấp đơn vị trực thuộc làm cơ sở CDS các quy trình còn lại.

Triển khai chữ ký số cho cho tất cả viên chức và người học Trường để tiến tới việc số hóa toàn bộ văn bản, giao dịch và hoạt động lưu trữ trong Trường.

Kết nối hệ thống eOffice của Trường với trực văn bản Quốc gia để tiến tới số hoàn toàn bộ hoạt động văn thư của Trường.

Bổ sung hoạt động thanh toán qua mạng, qua mã QR trong tất cả các giao dịch có liên quan đến tài chính trong Trường kể cả tại các căn tin, nhà xe...

Triển khai ứng dụng các công nghệ IOT, AI, Bigdata, Machine Learning nhằm tự động hóa một số hoạt động trong Trường: như kiểm soát và ra thông qua nhận diện khuôn mặt, tự động mượn và trả tài liệu trong TTHL; tự động hóa hoạt động kiểm kê tài sản...

4. Chuyển đổi số các hoạt động đào tạo

Xây dựng và triển khai các khóa đào tạo, tập huấn về phương pháp giảng dạy Elearning và cách thực chuyển đổi hoạt động giảng dạy từ truyền thống sang trực tuyến.

Xây dựng các cấp độ ứng dụng Elearning trong giảng dạy, các cơ chế khuyến khích về tài chính, thi đua - khen thưởng... để thúc đẩy việc ứng dụng Elearning và thi trắc nghiệm trên máy tính.

Bổ sung các phòng máy tính phục vụ hoạt động thi trắc nghiệm trên máy tính; xem xét cơ chế, quy định và điều triện để tổ chức thi trắc nghiệm trên điện thoại di động tại các phòng học lý thuyết.

Tiếp tục phát triển học liệu đa phương tiện; số hóa giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo; đầu tư các phòng thí nghiệm ảo, các phần mềm mô phỏng, ảo hóa...để phục vụ hoạt động đào tạo trong Trường.

5. Chuyển đổi số trong nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, phát triển và chuyển giao công nghệ, dịch vụ.

Số hóa dữ liệu nghiên cứu, xây dựng bộ số liệu dùng chung trong quản lý và phục vụ nghiên cứu KH, CGCN, đổi mới sách tạo và đào tạo.

Triển khai cổng thông tin điện tử về khoa học và công nghệ của Trường, nhằm cung cấp đầy đủ các thông tin về NCKH và CGCN của Trường cho các đối tác.

Tiếp tục phát triển thị trường kết nối cung cầu công nghệ trên nền tảng số để thương mại hóa kết quả nghiên cứu của Trường.

Triển khai hệ thống xuất bản và phát hành điện tử các ấn phẩm, ấn phẩm KHCN của Trường và bên ngoài.

6. Nâng cao thương hiệu, vai trò và vị thế của Trường đối với cộng đồng và xã hội thông qua chuyển đổi số.

Điều chỉnh lại chuẩn tối thiểu đối với website các đơn vị đào tạo và các phòng ban chức năng theo hướng chi tiết hơn và đánh giá sâu hơn về nội dung để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của người học và hoạt động kiểm định.

Tiếp tục đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các tin bài trên hệ thống website và mạng xã hội góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin, tuyên truyền và là kênh quảng bá hữu hiệu thương hiệu của Trường.

Xây dựng mạng lưới truyền thông từ cấp Trường đến các đơn vị, hướng tới mỗi viên chức, người học đều đóng góp cho hoạt động truyền thông của Trường.

Xây dựng và triển khai bộ nhận diện thương hiệu Trường trên môi trường số.

Nơi nhận:

- BCH Đảng bộ trường,
- Đảng bộ, Chi bộ cơ sở,
- Lưu: VPĐU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ



Nguyễn Thanh Phương

Bảng 1: Số lượng viên chức được tập huấn về CNTT và CDS giai đoạn 2021-2023

Nội dung tập huấn	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Sử dụng phần mềm Eoffice		123	
Sử dụng phần mềm viết báo cáo tự đánh giá (SAR)		98	
Sử dụng Elearning (<i>KNN, KSP, TTTT-QTM</i>)		43	102
Tập huấn sử dụng hệ thống tích hợp (<i>các nội dung nâng cấp</i>)	15	88	52
Tập huấn chuyên sâu về CNTT			6
Tổng cộng	15	352	160

Bảng 2: Dung lượng đường truyền Internet giai đoạn 2021-2023

	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Dung lượng quốc tế	400Mbps	525Mbps	650Mbps
Dung lượng trong nước	2000Mbps	3000Mbps	4000Mbps

Bảng 3: Số điểm truy cập wifi giai đoạn 2020-2023

STT	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Trường Bách khoa	13	18	33	43
2	Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông	16	16	20	20
3	Trường Kinh tế	20	20	27	27
4	Trường Nông nghiệp	10	16	45	46
5	Trường Thủy sản	14	14	30	31
6	Khoa Dự bị Dân tộc	1	1	4	5
7	Khoa Khoa học Chính trị	3	3	12	12
8	Khoa Khoa học Tự nhiên	8	12	41	41

STT	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
9	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn và Vườn Bàng	8	8	16	16
10	Khoa Luật	5	5	11	11
11	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên	7	16	16	20
12	Khoa Ngoại ngữ và Khu1 (Nhà khách và Hội trường)	13	13	31	32
13	Khoa Sư phạm và Nhà học C2	17	22	43	43
14	Khoa Giáo dục Thể chất (Khu cũ và Khu mới)	1	1	2	7
15	Khoa Phát triển Nông thôn	13	13	13	13
16	Trung tâm Học liệu	18	18	18	18
17	Hội trường Rùa	8	8	8	8
18	Nhà Điều hành	28	30	41	41
19	Nhà học D1	6	6	6	18
20	Nhà học D2	12	12	15	25
21	Nhà học C1	4	4	4	24
22	Nhà học B1	0	0	0	29
23	Trạm Y Tế	1	1	1	1
24	Trường THPT Thực hành Sư phạm	0	1	13	13
25	Trung tâm Phát triển Kỹ năng Sư phạm	2	2	11	11
26	Trung tâm tư vấn, hỗ trợ và khởi nghiệp sinh viên	5	5	6	6
27	Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu	1	1	1	1
28	Viện Công nghệ Sinh học	2	2	2	2
29	Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	3	3	5	5
30	Tòa Nhà ATL	0	0	110	110
31	Tòa Nhà RLC	0	0	139	139
Tổng số lượng		239	271	724	818

Bảng 4: Danh sách các phân hệ được nâng cấp, bổ sung giai đoạn 2021-2023

STT	Tên phân hệ	Được nâng cấp và bổ sung chức năng		
		2021	2022	2023
1	Đăng ký môn học	X	X	X
2	Quản lý Khối lượng công tác chuyên môn	X	X	X
3	Quản lý Kết quả học tập	X	X	X
4	Quản lý Hoạt động ngoại khóa	X		
5	Quản lý Xếp thời khóa biểu	X		X
6	Kiểm tra tiến độ học tập sinh viên	X		
7	Quản lý tạp chí	X	X	X
8	Quản lý Sinh viên	X		
9	Quản lý Học bổng	X		
10	Quản lý Ký túc xá	X		
11	Quản lý học phí sinh viên	X	X	X
12	Hệ thống quản lý Công đoàn Trường ĐHCT	X		
13	Khảo sát việc làm sinh viên tốt nghiệp	X		X
14	Phần mềm hỗ trợ biên soạn báo cáo tự đánh giá phục vụ công tác đảm bảo chất lượng	X		
15	Ứng dụng di động hỗ trợ Giảng viên, Sinh viên (MyCTU)	X	X	X
16	Văn phòng điện tử (eOffice)		X	X
17	Hệ thống khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan			X

STT	Tên phân hệ	Được nâng cấp và bổ sung chức năng		
		2021	2022	2023
18	Quản lý Hợp tác quốc tế			X
19	Quản lý đề tài nghiên cứu khoa học			X
20	Quản lý nghiên cứu sinh			X
21	Quản lý seminar			X
22	Đạo đức trong nghiên cứu động vật	X		
23	Quản lý dữ liệu đảm bảo chất lượng		X	

Bảng 5: Danh sách mức độ dịch vụ công trực tuyến của các quy trình của Trường

QT	Tên quy trình	Mức độ công trực tuyến				Cài đặt trên PMTH
		1	2	3	4	
1	Quy trình mở ngành đào tạo trình độ đại học và sau đại học		x			
2	Quy trình tuyển sinh liên thông Cao đẳng lên đại học hệ chính quy		x			
3	Quy trình tuyển sinh bằng đại học thứ hai hệ chính quy		x			
4	Quy trình học cùng lúc 2 chương trình đào tạo				x	x
5	Quy trình phối hợp xếp thời khóa biểu học kỳ			x		x
6	Quy trình mở thêm lớp học phần ngoài kế hoạch		x			x
7	Quy trình đề nghị thay đổi thời khóa biểu lớp học phần		x			x
8	Quy trình đề nghị phục hồi lớp học phần đã thông báo xóa lớp		x			x

QT	Tên quy trình	Mức độ công trực tuyến				Cài đặt trên PMTH
		1	2	3	4	
9	Quy trình xét miễn và công nhận điểm học phần		x			x
10	Quy trình xét công nhận học phần tương đương		x			x
11	Quy trình xét tốt nghiệp và nhận bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng				x	x
12	Quy trình cấp bản sao bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng		x			x
13	Quy trình cấp bằng điểm tiếng Việt và tiếng Anh		x			x
14	Quy trình cấp giấy chứng nhận ngoại ngữ trình độ A		x			x
15	Quy trình cấp chứng chỉ giáo dục thể chất		x			
16	Quy trình biên soạn giáo trình, tài liệu học tập		x			
17	Quy trình xét miễn học, miễn thi học phần hệ vừa làm vừa học và hệ đào tạo từ xa		x			
18	Quy trình đăng ký học vượt hệ đào tạo từ xa		x			
19	Quy trình đăng ký học và thi lại học phần hệ đào tạo từ xa		x			
20	Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp hệ vừa làm vừa học và hệ đào tạo từ xa			x		
21	Quy trình tiếp nhận và giải quyết đơn từ, văn bản của sinh viên và các đơn vị liên kết		x			
22	Quy trình liên kết đào tạo hệ vừa làm vừa học và hệ đào tạo từ xa		x			
23	Quy trình mời giảng viên tại các đơn vị liên kết tham gia giảng dạy hệ vừa làm vừa học				x	
24	Quy trình trình hồ sơ ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở		x			

QT	Tên quy trình	Mức độ công trực tuyến				Cài đặt trên PMTH
		1	2	3	4	
25	Quy trình trình hồ sơ ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường			x		
26	Quy trình tiếp nhận và xử lý công văn liên quan đến công tác đào tạo sau đại học				x	
27	Quy trình tiếp nhận và xử lý các loại xác nhận liên quan đến công tác đào tạo sau đại học		x			x
28	Quy trình kiểm định nội bộ chương trình đào tạo			x		x
29	Quy trình thu thập thông tin minh chứng đảm bảo chất lượng giáo dục				x	x
30	Quy trình đăng ký quyền sở hữu trí tuệ				x	
31	Quy trình quản lý đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở do công chức, viên chức thực hiện			x		x
32	Quy trình quản lý đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở do người học thực hiện			x		x
33	Quy trình quản lý đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ - Bộ Giáo dục và Đào tạo			x		x
34	Quy trình quản lý nhiệm vụ cấp nhà nước, nhiệm vụ KH&CN khác thông qua Bộ Giáo dục và Đào tạo			x		
35	Quy trình quản lý đề tài KH&CN cấp nhà nước, cấp bộ ngành khác, các Quỹ KH&CN			x		x
36	Quy trình quản lý hoạt động khoa học công nghệ khác				x	
37	Quy trình quản lý đề tài hợp tác với địa phương			x		
38	Quy trình tổ chức báo cáo khoa học (seminar)				x	x
39	Quy trình xin phép đoàn vào				x	x
40	Quy trình công tác kế hoạch đoàn ra			x		x

QT	Tên quy trình	Mức độ công trực tuyến				Cài đặt trên PMTH
		1	2	3	4	
41	Quy trình thực hiện thủ tục xin thị thực, gia hạn thị thực và xin phép đi địa phương			x		x
42	Quy trình xin phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế.				x	x
43	Quy trình ký kết bản ghi nhớ			x		x
44	Quy trình quản lý dự án quốc tế			x		x
45	Quy trình công tác đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên				x	x
46	Quy trình công tác xét khen thưởng sinh viên hàng năm			x		x
47	Quy trình công tác xét cấp học bổng khuyến khích học tập			x		x
48	Quy trình công tác xét cấp học bổng tài trợ				x	x
49	Quy trình cử sinh viên đi đào tạo sĩ quan dự bị			x		
50	Quy trình thực hiện các hoạt động thông tin tuyên truyền			x		
51	Quy trình tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ			x		
52	Quy trình sử dụng Hội trường Rùa			x		
53	Quy trình quản lý, sử dụng lễ phục tốt nghiệp		x			
54	Quy trình mua sắm hàng hóa		x			
55	Quy trình cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất		x			
56	Quy trình điều động tài sản		x			
57	Quy trình xử lý tài sản khi kết thúc chương trình, dự án		x			
58	Quy trình thanh lý tài sản		x			

QT	Tên quy trình	Mức độ công trực tuyến				Cài đặt trên PMTH
		1	2	3	4	
59	Quy trình cho mượn phòng học				x	x
60	Quy trình dự toán phân giao kinh phí		x			
61	Quy trình tạm ứng, thanh toán		x			
62	Quy trình thu, chi học phí				x	x
63	Quy trình đăng ký mã số thuế, giảm trừ gia cảnh, nộp thuế - quyết toán thuế thu nhập cá nhân		x			
64	Quy trình thanh toán thù lao giảng dạy vượt giờ của giảng viên				x	x
65	Quy Trình giải quyết khiếu nại hành chính		x			
66	Quy Trình giải quyết tố cáo		x			
67	Trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra		x			
68	Quy trình tuyển dụng viên chức		x			
69	Quy trình thực hiện chế độ tập sự		x			
70	Quy trình tiếp nhận tình nguyện viên		x			
71	Quy trình thực hiện thủ tục quản lý trong đào tạo viên chức		x			
72	Quy trình xử lý đền bù, bồi hoàn chi phí đào tạo		x			
73	Quy trình thực hiện chế độ chính sách bảo hiểm xã hội		x			
74	Quy trình tiếp nhận và xử lý công văn đi, đến cấp Trường				x	x
75	Quy trình công khai theo Thông tư 09/2009/TT-BGDĐT				x	
76	Quy trình tiếp nhận và đăng thông tin lên website Trường				x	

QT	Tên quy trình	Mức độ công trực tuyến				Cài đặt trên PMTH
		1	2	3	4	
77	Quy trình cấp tài khoản hộp thư điện tử/máy tính cho viên chức			x		
78	Quy trình cấp lại mật khẩu tài khoản hộp thư điện tử/máy tính cho viên chức			x		
79	Quy trình cấp lại mật khẩu tài khoản hộp thư điện tử/máy tính cho sinh viên		x			
80	Quy trình khắc phục, hỗ trợ khắc phục sự cố mạng tại các đơn vị		x			
81	Quy trình cấp phát tài nguyên máy chủ phục vụ xây dựng WEB				x	
82	Quy trình tiếp nhận, khắc phục/hỗ trợ khắc phục sự cố website				x	
83	Quy trình phân quyền sử dụng các phân hệ phần mềm trong hệ thống thông tin tích hợp				x	
84	Quy trình xây dựng phần mềm			x		
85	Quy trình tiếp nhận tin và đăng tin trên bản tin Trường				x	
86	Quy trình tiếp nhận, thẩm định và duyệt bài báo				x	
87	Quy trình đặt mua và nhận tài liệu			x		
88	Quy trình tiếp nhận tài liệu được tặng	x				
89	Quy trình đặt mua cơ sở dữ liệu	x				
90	Quy trình chọn mua tài liệu trực tiếp trong đợt triển lãm sách tại Trường	x				
91	Quy trình đăng ký, cấp thẻ thư viện			x		
92	Quy trình thanh toán ra trường			x		x
93	Quy trình thẩm định danh mục tài liệu tham khảo	x				

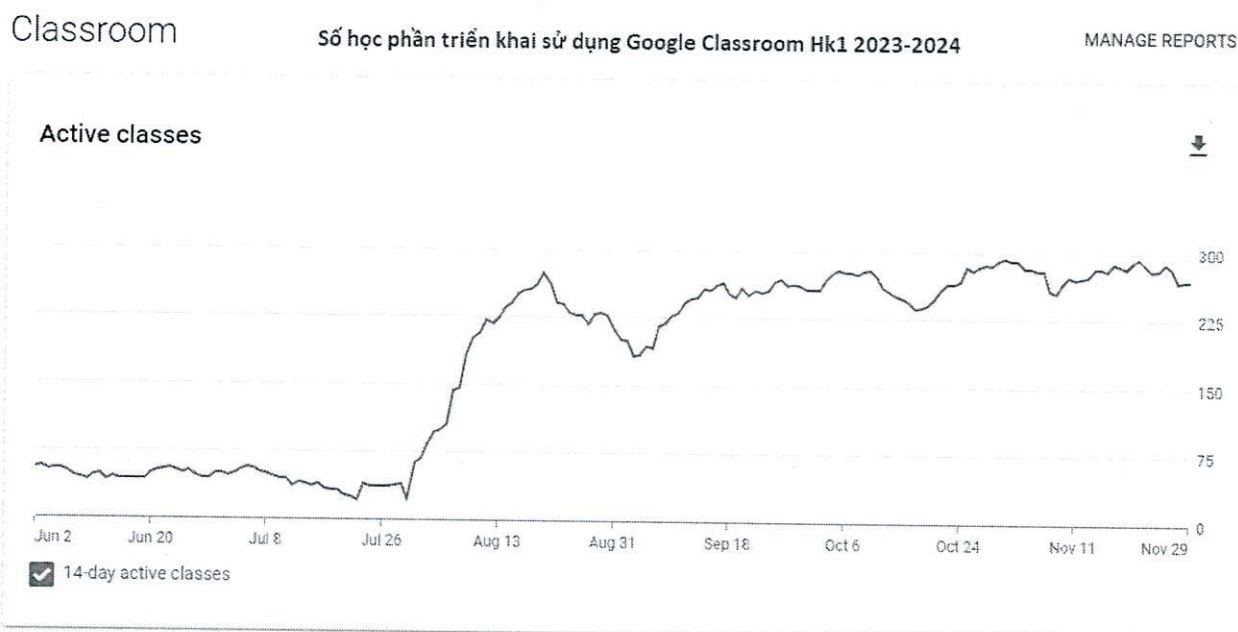
QT	Tên quy trình	Mức độ công trực tuyến				Cài đặt trên PMTH
		1	2	3	4	
94	Quy trình thực hiện công việc chuyển giao công nghệ		x			
95	Quy trình thực hiện hợp đồng dịch vụ phối hợp với các đơn vị trong Trường			x		
96	Quy trình ký kết hợp đồng giảng dạy ngoài Trường			x		
97	Quy trình chào giá các cơ sở dịch vụ		x			
98	Quy trình đăng ký sử dụng ô tô			x		x
99	Quy trình đăng ký sử dụng nhà khách		x			
		4	43	29	23	41

Bảng 6: Số học phần của các đơn sử dụng Elearning để hỗ trợ giảng dạy và thi trắc nghiệm

STT	Trường/Khoa	Số học phần giảng dạy sử dụng Elearning			Số học phần tổ chức thi TN trên máy tính		
		HK1 22-23	HK2 22- 23	HK1 23- 24	HK 22- 23	HK222- 23	HK1 23-24
1	Trường Bách Khoa	26	8	17	21	8	5
2	Trường Công nghệ Thông tin và TT	119	106	118	79	64	79
3	Khoa Khoa học Chính trị	6		1	7	4	2
4	Khoa Khoa học Tự nhiên	1		12	1		1
5	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	1	2	1	1	1	
6	Trường Kinh tế	32	32	59	24	19	25
7	Khoa Luật		2	9			
8	Khoa Môi trường và TNTN	5	5	2	3		1
9	Khoa Ngoại ngữ	32	4	27	9	4	13
10	Trường Nông nghiệp	4	5	4	4	2	5
11	Khoa Phát triển Nông thôn	4	4		4	2	
12	Khoa Sau đại học					2	1
13	Khoa Sư phạm	5		58	2		12
14	Trường Thủy sản	2	2		1		
15	Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí Hậu	1					

16	V. Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	3	3	7	3	5	4
17	Trung tâm tư vấn, hỗ trợ và KNSV		5	3	4		3
Tổng cộng		214	178	318	163	111	151

Biểu đồ 1: Số học phần triển khai sử dụng Google Classroom HK1 2023-2024



Bảng 7: Số tin bài đưa lên website và các mạng xã hội, giai đoạn 2021-2023

	Số tin bài đưa lên Website	Số tin bài đưa lên các mạng xã hội	Tin tức dạng Video ngắn	Infographic	Số buổi livestream
2021	95	269	0		0
2022	194	632	44	4	44
2023	216	518	42	4	45
Tổng cộng	505	1419	86	8	89

Bảng 8: Số người theo dõi các mạng xã hội trường giai đoạn 2021-2023

	Facebook	Tiktok	Youtube	LinkedIn	Instagram
2021	93.000	0		0	
2022	126.000	7.300	4.870	58	
2023	147.223	16.800	5.350	977	2.410